TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 497/2022/DS-ST Ngày: 29-12-2022 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.
2. Ông Nguyễn Quốc Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Không.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 288/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1966; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thành S**, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: số A, Ô 4, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc T trình bày:*

Do quen biết, ngày 02/01/2021, ông có cho anh Nguyễn Thành S mượn 4.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Anh S có viết biên nhận mượn tiền và cam kết ngày 02/5/2021 sẽ trả tiền vốn cho ông.

Tuy nhiên từ tháng 06/2021 đến nay, ông đã nhiều lần yêu cầu anh S thanh toán cho ông số tiền vốn đã mượn nhưng anh S cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông yêu cầu buộc anh S có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mượn 4.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành S đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập hợp lệ những lần hòa giải và xét xử nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ và bị đơn đang cư trú tại thị trấn C, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông T cho rằng anh S có mượn tiền của ông số tiền 4.000.000 đồng và anh S có viết biên nhận ngày 02/01/2021, anh S hứa ngày 02/5/2021 sẽ trả, không thỏa thuận trả lãi. Đến hạn anh S không thanh toán mà cố tình né tránh nên ông T yêu cầu anh S trả số tiền đã mượn.

[4] Xét yêu cầu của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Về số tiền nợ: Theo biên nhận mà ông T cung cấp thể hiện anh S có vay của ông T 4.000.000 đồng và theo biên nhận cũng như lời trình bày của ông T thì thời hạn vay từ tháng 01 đến tháng 5/2021 nhưng đến hạn anh S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại quyền lợi của ông T. Do đó ông T yêu cầu anh S trả số tiền đã nợ 4.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp Điều 280, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập anh S nhiều lần nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại phiên tòa, thể hiện anh S từ bỏ quyền lợi của mình và không phản đối chứng cứ mà ông T cung cấp theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Lãi: Ông T không yêu cầu anh S trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh S có nghĩa vụ trả ông T 4.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên anh S phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quối hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc T.

- Buộc anh Nguyễn Thành S trả cho ông Trần Ngọc T số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thành S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trần Ngọc T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025184 ngày 19/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chị cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tuyền